

Số: **1385/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 21/9/2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tố Nữ.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trâm - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nghĩa - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 528/2020/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 73/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Lệ V, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: KV Long Q, phường N, thị xã A, tỉnh B; tạm trú: Nguyễn Cửu Phú, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố H (*có đơn xin vắng mặt*).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thế T, sinh năm 1990; địa chỉ thường trú: KV Tân H, phường N, thị xã A, tỉnh B; tạm trú: Nguyễn Cửu Phú, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố H (*vắng mặt không rõ lý do*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi ngày 28 tháng 4 năm 2020 và bản tự khai ngày 01 tháng 6 năm 2020 nguyên đơn là bà Huỳnh Thị Lệ V trình bày: Bà và ông Phạm Thế T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 87, do Ủy ban nhân dân phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 17/9/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc, từ tháng 7 năm 2019 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, đã cố gắng

hàn gắn nhưng không có kết quả. Vợ chồng ly thân từ tháng 01/2020 đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T để hai bên rõ ràng về pháp lý.

Về con chung thì bà và ông T có một người con chung tên Phạm Hữu T T, sinh ngày 14/3/2019, hiện cháu cũng đang sống cùng bà, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác thì bà xác định hai bên không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn là ông T vắng mặt không rõ lý do tại các buổi làm việc, hòa giải nên ông T không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Lệ V có đơn xin xét xử vắng mặt, bà vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong đơn khởi kiện và tại các phiên hòa giải.

Bị đơn: Ông Phạm Thế T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà V nhưng ông vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu: Tòa án nhân dân quận Bình Tân thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Thẩm phán thụ lý giải quyết hồ sơ vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án đúng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Bà Huỳnh Thị Lệ V và ông Phạm Thế T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Năm 2019 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nay bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không còn khả năng hàn gắn. Ông T không có ý kiến phản hồi đối với việc xin ly hôn của bà V dù đã được triệu tập hợp lệ. Như vậy, ông T không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà V. Về con chung thì bà V và ông T có một người con chung tên Phạm Hữu T T, sinh ngày 14/3/2019, bà V có nguyện vọng yêu cầu trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con. Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác thì bà V xác định hai bên không có. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng:

Bà V có đơn yêu cầu ly hôn với ông Tông, ông T đang thực tế cư trú tại Nguyễn Cửu Phú, khu phố 4, phường T, quận B, Thành phố H. Đây là vụ án dân sự về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh.

Bà V có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà V là phù hợp theo quy định của pháp luật. Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ lần thứ hai, yêu cầu ông có mặt tại Tòa để Tòa án tiến hành xét xử, giải quyết việc ly hôn giữa ông và bà V nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T là phù hợp.

2. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà V và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định, đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét: Yêu cầu của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy hạnh phúc gia đình phải được xây dựng trên cơ sở tình thương yêu của cả vợ và chồng, đôi bên phải thật sự tin tưởng, yêu thương, tôn trọng và chăm sóc lẫn nhau, cùng nhau chăm lo hạnh phúc gia đình. Hiện tại, bà V đã không còn tha thiết chung sống với ông Tông, cả hai đã sống ly thân tháng 01/2020 đến nay. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hòa giải, tác động để đôi bên được hàn gắn, đoàn tụ nhưng bà V vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Tông, ông T thì vắng mặt không có lý do, không trình bày ý kiến gì, điều này cũng thể hiện ông cũng không có thiện chí muốn hàn gắn, đoàn tụ gia đình. Từ đó nhận thấy tình cảm vợ chồng của bà V và ông T đã thật sự phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc tiếp tục chung sống là không còn ý nghĩa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà V là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung và cấp dưỡng cho con: Tại phiên tòa, bà V có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục một người con chung Phạm Hữu T T, sinh ngày 14/3/2019 và không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu của bà V phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân gia đình 2014, vì trẻ Thiện Tâm dưới 36 tháng tuổi và đang sống ổn định bên bà, không nên thay đổi làm xáo trộn cuộc sống của trẻ. Mặt khác, ông T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con chung. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi cũng như sự phát triển của con và để hạn chế được phần nào về sự ảnh hưởng tâm sinh lý của cháu nên việc giao con chung Phạm Hữu T T cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng khi bà V và ông T ly hôn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Ghi nhận sự tự nguyện của bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân về việc thụ lý, giải quyết vụ án của Tòa án đã tuân thủ các thủ tục tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn và nuôi con của bà V do hai vợ chồng có mâu thuẫn và đã sống ly thân. Xét đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà V khai nhận, hai bên không có tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Tòa không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065373 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Luật Thi hành án dân sự;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Thị Lệ V.

Về quan hệ vợ chồng: Bà Huỳnh Thị Lệ V được ly hôn với ông Phạm Thế T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định cấp ngày 17/9/2018 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Giao một người con chung tên Phạm Hữu T T, sinh ngày 14/3/2019 cho bà Huỳnh Thị Lệ V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con chung.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Bà V cùng các thành viên trong gia đình không ai được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Nếu ông T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà V có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của ông T.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung, nợ chung và các nghĩa vụ dân sự khác: Bà V khai nhận, hai bên không có nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Lệ V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0065373 ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà V đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND quận Bình Tân;
- THADS quận Bình Tân;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Yến

